



huà xué pǐn
化学品

noun · chemical product

Example Sentences

zhè xiē huà xué pǐn xū yào tuǒ shàn cún fàng
这些化学品需要妥善存放。

These chemical products need to be stored properly.

gōng chǎng pái fàng de huà xué pǐn wū rǎn le hé shuǐ
工厂排放的化学品污染了河水。

The chemicals discharged by the factory polluted the river.

Trace each character, then write the word on your own.

化	化	化	化	化	化	化					
学	学	学	学	学	学	学	学	学	学	学	学
品	品	品	品	品	品	品	品	品	品	品	品
品											